TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc* ---------- -------

Bản án số: 24 /2018/HS - ST
Ngày: 12 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Nguyễn Minh Hiếu Trung
+ Bà Phạm Thị Ngọc Thi
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ
- **Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ**: Ông Nguyễn Văn Báu – KSV.

Trong ngày 12/6/2018 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST - HS ngày 24/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST – HS ngày 25/5/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức S – sinh năm 1989 tại ĐăkLăk
Nơi cư trú: T3, xã E , huyện H, tỉnh ĐăkLăk
Nghề nghiệp: không; TĐHV: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn Đức D và bà Lê Thị T; vợ: Đinh Thị T P (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến nay (có mặt)

* Bị hại: Lê Văn T1 – 1969 (có mặt)
Nguyễn Thị T V – 1972 (vắng mặt)
Cùng TQ: ấp 1 – XĐ – CM - Đồng Nai.
* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:
1. Lê Thị A H – sn 1992 (vắng mặt)
TQ: ấp D Đ - ST - Tx. LK - Đồng Nai
2. Nguyễn Thị P – 1976 (vắng mặt)
TQ: ấp D Đ - ST - Tx. LK - Đồng Nai
3. Vòng Trường A – 1972 (vắng mặt)
TQ: kp X – P.X B – Tx.LK – Đồng Nai
4. Phạm Quốc K– 1980 (vắng mặt)
TQ: ấp CT – xã BH – XL – Đồng Nai
5. Lê Thị Th – 1962 (vắng mặt)
TQ: thôn 3, xã E, huyện H, ĐăkLăk
* Người tham gia tố tụng khác: Lê Văn C – 1971 (có mặt)
TQ: ấp 1 – XĐ – CM - Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu nợ và bị các chủ nợ đòi tiền ráo riết nên khoảng tháng 10/2017, Nguyễn Đức S đến nhà anh Lê Văn T1 (là cậu ruột) để ở nhằm mục đích lánh nợ. Tại đây, S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade biển số: 60B6- 42303 (do chị Nguyễn Thị T V - là vợ của anh T đứng tên) đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định đó, khoảng 14 giờ ngày 20/10/2017, khi anh T1 vừa chạy xe mô tô về thì S hỏi mượn xe để đi mua thuốc lá. Nghe S hỏi mượn thì anh T đồng ý giao chìa khóa và xe cho S.

Sau khi nhận được xe, S chạy thẳng đến nhà cô ruột là chị Nguyễn Thị P. Tại đây, S nhờ chị Lê Thị A H (là con ruột chị P) đem xe môtô của anh T1 đi cầm cố lấy tiền giúp S. Chị H có hỏi xe của ai thì lúc này Sơn nói xe mô tô của Sơn mua lại, vì Sơn không có mang theo giấy chứng minh nhân dân. Nghe vậy thì chị H đồng ý và dẫn S đến tiệm cầm đồ tên là "A" do anh Vòng Trường A làm chủ. Qua kiểm tra xe, đôi bên thỏa thuận giá cả đồng ý cầm xe mô tô trên với giá là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), H ký vào hợp đồng cầm xe, S nhận tiền rồi cả hai đi về.

Khoảng 07 ngày sau, do không thấy Sơn đến chuộc xe như đã hẹn trước đó, chị P gọi điện cho S hối thúc S nhưng S trả lời chưa có tiền, nên chị P nói nếu S không chuộc xe lại thì chị P sẽ bán chiếc xe trên. Nghe chị P nói vậy S trả lời "vậy thì cô bán luôn đi" rồi S tắt điện thoại và không liên lạc được với S. Sau đó chị P đến tiệm cầm đồ "A" yêu cầu anh A bán xe môtô mà H đã đứng ra ký hợp đồng cầm cố cho S với anh Phạm Quốc K với giá 31.000.000 đồng, đồng thời trả số tiền gốc và lãi cho anh An là 25.400.000 đồng, còn lại 5.600.000 đồng chị P cất giữ.

Sau khi mua xe môtô anh K đem xe về tiệm mua bán xe máy cũ của mình trưng bày để bán lại. Đến ngày 05/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C M đã đến và thu giữ chiếc xe trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 62/KL- HĐĐG ngày 13/11/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện C M kết luận: 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade, màu xám đen, biển số: 60B6- 42303, số khung: 6301FZ483066, số máy: JF63E1116860 mua vào thời điểm tháng 12/2016, thời gian sử dụng đến nay 01 năm có giá trị là: 42.000.000 đồng x 90% = 37.800.000 đồng.

* Vật chứng vụ án:

- 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe AIRBLADE, biển số: 60B6- 42303 số máy: JF63E1116860, số khung: 6301FZ483066 đã thu hồi, giao trả cho anh Tùng – chị Vân.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Chị T V – anh T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

- Anh Phạm Quốc K đã nhận lại số tiền 31.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

* Tại bản Cáo trạng số 28/CT – VKSCM – ĐN ngày 23/4/2018 VKSND huyện C M đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức S về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ vẫn giữ nguyên

quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 BLHS với mức hình phạt:

* Bị hại Lê Văn T1 đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

* Bị hại Nguyễn Thị T V vắng mặt không có lời khai.

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: vắng mặt không có lời khai.

* Người tham gia tố tụng khác: Anh Lê Văn C xác định hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bị cáo và bị hại Tùng trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". theo khoản 1 điều 174 BLHS.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy:

Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có đủ sức khỏe, năng lực và khả năng lao động để kiếm thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Nhưng vì thiếu nợ, bị các chủ nợ liên tục thúc ép đòi nợ nên bị cáo muốn kiếm tiền nhanh bằng cách lợi dụng mối quan hệ bà con với anh T1 – chị V để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích cầm cố lấy tiền trả nợ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Tùng – chị Vân mà còn gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo, xét cần áp dụng hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu – thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa tiền án – tiền sự, bị cáo vận động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc các tình tiết này khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và tang vật vụ án: đã giải quyết xong và cũng không có ai yêu cầu gì thêm nên không xét.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện VKSND huyện C M: phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp thuận.

[6] Trong quá trình điều tra, truy tố hành vi – quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b**,** i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51**;** điều 38 BLHS năm 2015.

*Xử phạt***:** Bị cáo Nguyễn Đức S – 01 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2018.

- Về án phí: áp dụng điều **136** BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số **326/2016/UBTVQH14** ngày **30/12/2016** của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Sơn nộp **200.000** đồng án phí HSST.

Báo cho bị cáo, bị hại T1 biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh,
- VKS ND huyện, tỉnh,
- Các đương sự,
-THA huyện,
-Lưu, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng